

MD

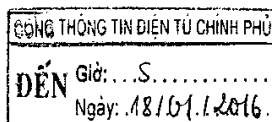
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **103** /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày **14** tháng 01 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 03/TTr-LĐTBXH ngày 11 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

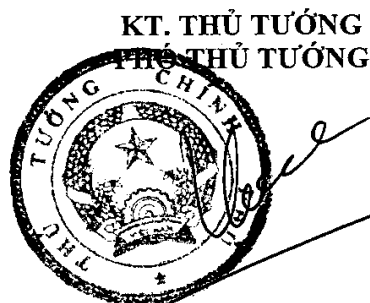
Điều 1. Cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 88 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, 02 thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và 13 tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Lâm Đồng, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thái Bình, Thanh Hóa (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

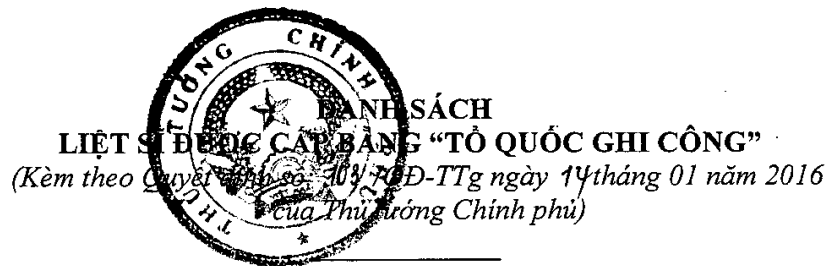
Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định,
- TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 10 b.



Nguyễn Xuân Phúc



LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"

(Kèm theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ CÔNG AN

1. Liệt sĩ: Phạm Bồng

Chiến sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1967.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

2. Liệt sĩ: Cấn Văn Thạch

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 92%), nguyên quán: xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 2015.

3. Liệt sĩ: Phạm Xuân Đạo

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 97%), nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 10 năm 2013.

BỘ QUỐC PHÒNG

4. Liệt sĩ: Hoàng Văn Ngữ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1954.

5. Liệt sĩ: Vũ Hồng Tư

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghĩa Đồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1966.

6. Liệt sĩ: Đặng Văn Thắng

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1978.

7. Liệt sĩ: Nguyễn Viết Tú

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1965.

8. Liệt sĩ: Phạm Văn Toán

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 3 năm 1954.

9. Liệt sĩ: Trần Quý Bút

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969.

10. Liệt sĩ: Trần Ngọc Bông

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 7 năm 1953.

11. Liệt sĩ: Doãn Đức Hiện

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 6 năm 1952.

12. Liệt sĩ: Phạm Đức Lạng

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1972.

13. Liệt sĩ: Mai Thị Nghiêm

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1972.

14. Liệt sĩ: Trương Công Pháo (Trương Công Hình)

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968.

15. Liệt sĩ: Lê Văn Cả

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1969.

16. Liệt sĩ: Trương Hùng Mạnh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1969.

17. Liệt sĩ: Nguyễn Tấn Dương

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Lãnh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1970.

18. Liệt sĩ: Tăng Ngọc Thọ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1971.

19. Liệt sĩ: Lê Văn Lược

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1973.

20. Liệt sĩ: Huỳnh Tề

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cát Thắng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1969.

21. Liệt sĩ: Nguyễn Hoàng Hiền

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1989.

22. Liệt sĩ: Võ Hoài Phong

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 5 năm 1978.

23. Liệt sĩ: Đặng Huy Chương

Thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 2014.

24. Liệt sĩ: Nguyễn Gia Bảy

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàng Long, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 02 năm 2013.

25. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Tiệp

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 5 năm 2015.

26. Liệt sĩ: Hà Quyết Thắng

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 2015.

27. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Tuấn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 11 năm 2013.

28. Liệt sĩ: Phạm Văn Tân

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thụy Trinh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 5 năm 2015.

29. Liệt sĩ: Trần Trung Hiếu

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 2015.

30. Liệt sĩ: Bùi Văn Nhỏ

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 8 năm 1986.

31. Liệt sĩ: Lê Văn Nghĩa

Phó trung đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 2015.

32. Liệt sĩ: Nguyễn Anh Tú

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 2015.

33. Liệt sĩ: Phạm Văn Huy

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 6 năm 2015.

TỈNH BẮC GIANG

34. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Thu

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1948.

TỈNH BẮC NINH

35. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Thuyết

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 8 năm 2015.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

36. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Lê

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 7 năm 1951.

37. Liệt sĩ: Lưu Bá Thư

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 2014.

38. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cải

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 6 năm 1948.

39. Liệt sĩ: Phạm Quang Thường

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1951.

40. Liệt sĩ: Vũ Văn Vy

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 8 năm 1950.

41. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tường

Thư ký Ủy ban kháng chiến lâm thời xã, nguyên quán: xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 02 năm 1947.

TỈNH HÀ TĨNH

42. Liệt sĩ: Lê Tiến Ngọc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 92%), nguyên quán: xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 10 năm 2013.

43. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dũng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 82%), nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 2013.

44. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khán

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thường Nga, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 2014.

45. Liệt sĩ: Nguyễn Phước An

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Yên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 11 năm 2014.

46. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đình*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 10 năm 1984.

TỈNH HẢI DƯƠNG

47. Liệt sĩ: Hoàng Mạnh Toàn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 2013.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

48. Liệt sĩ: Dương Trung Lợi*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Nhựt, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 8 năm 1982.

49. Liệt sĩ: Trang Hoàng Thành*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1962.

50. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quang*

Công an viên Công an nhân dân, nguyên quán: xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1949.

51. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhỏ*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968.

52. Liệt sĩ: Trần Văn Xê*

Thư ký văn phòng Ban Tổ chức, nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969.

53. Liệt sĩ: Dương Thị Đến (Hương)*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 9 năm 1971.

54. Liệt sĩ: Đoàn Thị Hon*

Công nhân quốc phòng, nguyên quán: thị trấn Cần, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 02 năm 1985.

55. Liệt sĩ: Nguyễn Kim Cháo*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, trú quán: phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1950.

TỈNH HUNG YÊN

56. Liệt sĩ: Bùi Trung Phước

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 7 năm 2014.

TỈNH LÂM ĐỒNG

57. Liệt sĩ: Phạm Duy Tân

Công nhân, nguyên quán: xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972.

58. Liệt sĩ: Nguyễn Doãn Chánh

Hội viên Hội Thanh niên giải phóng, nguyên quán: xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1966.

TỈNH NAM ĐỊNH

59. Liệt sĩ: Phan Văn Roan

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 4 năm 2015.

60. Liệt sĩ: Trần Bùi Yên

Chi ủy viên Chính trị viên xã đội, nguyên quán: thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1953.

61. Liệt sĩ: Đỗ Văn Tuyết

Trưởng thôn, nguyên quán: xã Yên Khang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 01 năm 1954.

TỈNH NINH BÌNH

62. Liệt sĩ: Vũ Nga (Vũ Ngọc Nga)

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 8 năm 2006.

TỈNH NGHỆ AN

63. Liệt sĩ: Nguyễn Viết Hùng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 12 năm 2014.

64. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Sanh*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 11 năm 1967.

65. Liệt sĩ: Phạm Hồng Anh*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 6 năm 1954.

TỈNH QUẢNG BÌNH

66. Liệt sĩ: Trương Văn Công

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 10 năm 2014.

67. Liệt sĩ: Trần Văn Súly

Trung đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 10 năm 1948.

TỈNH QUẢNG NAM

68. Liệt sĩ: Phan Vàng

Bí thư chi bộ xã, nguyên quán: xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1941.

69. Liệt sĩ: Lê Phước Kiến*

Cán bộ huyện, nguyên quán: xã Quế Xuân, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1965.

70. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Xí*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 3 năm 1969.

71. Liệt sĩ: Trần Tấn Lo*

Hội viên thanh niên cứu quốc, nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 30 tháng 9 năm 1943.

72. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhi*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1963.

73. Liệt sĩ: Phan Thanh Nghiêm*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1970.

74. Liệt sĩ: Bùi Thắng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1970.

75. Liệt sĩ: Trần Văn Chín*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 8 năm 1979.

76. Liệt sĩ: Trần Quang Loan*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1966.

77. Liệt sĩ: Võ Thị Con*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 9 năm 1957.

78. Liệt sĩ: Lê Tấn Trước*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1959.

TỈNH QUẢNG NGÃI

79. Liệt sĩ: Lê Văn Nhanh

Tiểu đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1969.

TỈNH THÁI BÌNH

80. Liệt sĩ: Đoàn Văn Vy

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 12 năm 1950.

TỈNH THANH HÓA

81. Liệt sĩ: Nguyễn Phòng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 11 năm 2015.

82. Liệt sĩ: Nguyễn Khắc Mẫn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 11 năm 2014.

83. Liệt sĩ: Lê Khắc Thận

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 2015.

84. Liệt sĩ: Khương Văn Thành

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 2013.

85. Liệt sĩ: Hoàng Đức Mùi

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 2013.

86. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Lý

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Hoằng Quỳ, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 01 năm 2015.

87. Liệt sĩ: Phạm Văn Kênh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 5 năm 2015.

88. Liệt sĩ: Trịnh Huy Lư

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 7 năm 2014./.

Ghi chú:

** Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995. Tổng số: 21/88 trường hợp.*